

Bản tin Phân tích kỹ thuật

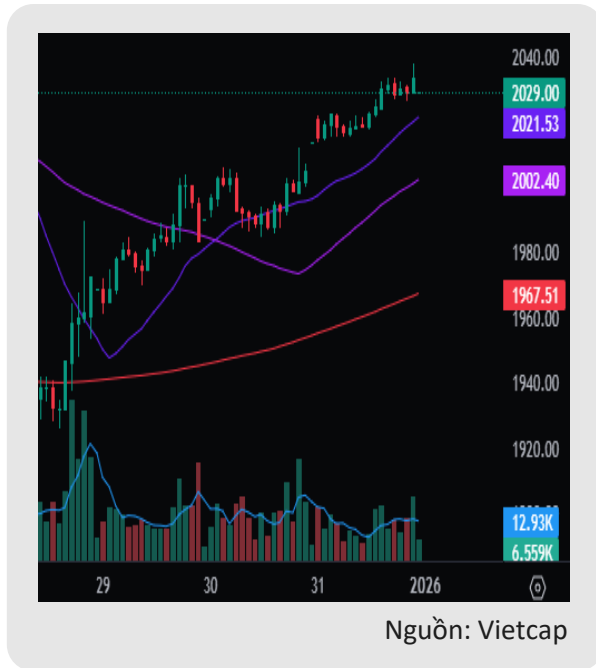
31/12/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 đóng cửa thu hẹp một phần đà tăng trong ngày và vi phạm đường MA5, thể hiện sự suy giảm của gia tốc tăng. (M15)
- Dự báo sẽ xuất hiện một nhịp điều chỉnh, kiểm định lại vùng 2.020 điểm. Vị thế bán được mở với mục tiêu là vùng 2.020 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên mức giá cao phiên 31/12 (2.038 điểm).

Chiến lược:

- Bán (S): 2.033 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.020 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.038 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Trung tính

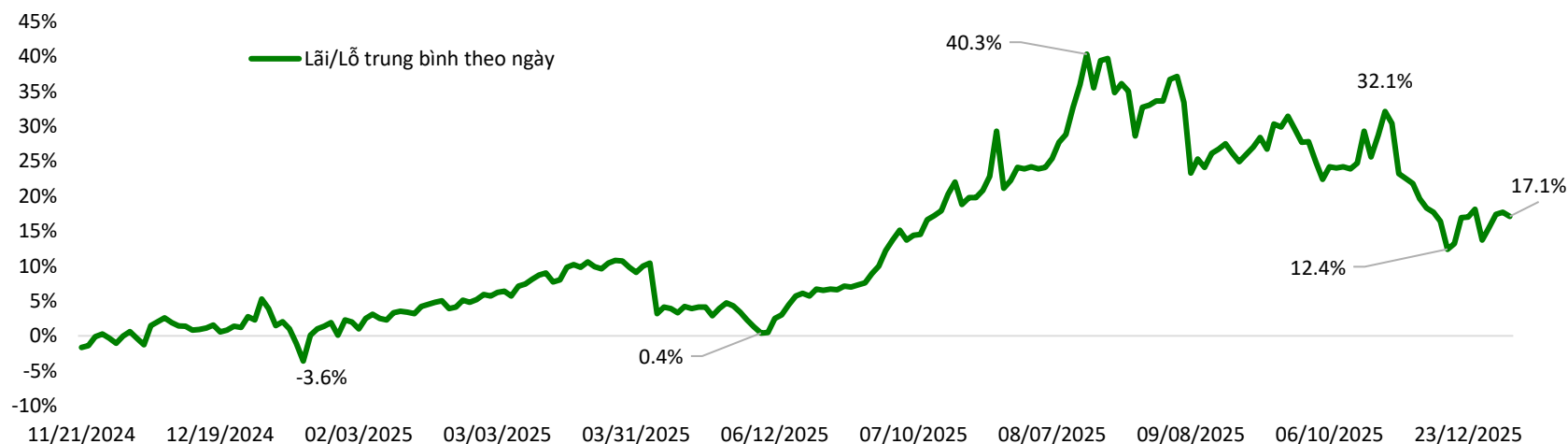


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng điểm 4 phiên liên tiếp và được hỗ trợ bởi đường MA5 cho thấy quán tính tăng giá ổn định. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ vs phiên 30/12 nhưng số mã giảm lại lấn át số mã tăng trên sàn HOSE, điều này thể hiện hoạt động bán giá cao bắt đầu xuất hiện trên nhiều cổ phiếu hơn so với các phiên giao dịch trước. Trong ngắn và trung hạn, mức Tích cực duy trì trên VN-Index và VN30-Index.
- Quanh vùng giá cao phiên 31/12, ghi nhận hoạt động bán tăng nhẹ trên nhiều cổ phiếu Chứng khoán, Dầu khí và Công nghiệp. Áp lực bán trên cổ phiếu Ngân hàng vẫn tiết chế ở mức thấp. Tuy nhiên, lực cầu bắt đầu phân hóa mạnh hơn các phiên tăng trước đó và sự phụ thuộc vào nhóm Vingroup (VIC, VHM) về mặt điểm số diễn ra khá rõ nét.
- Với diễn biến hiện tại, chúng tôi gia tăng khả năng xuất hiện nhịp điều chỉnh trong phiên 05/01 bởi mức độ phân hóa gia tăng, sự do dự ở lực cầu mới và áp lực bán hiện diện trên nhiều mã sàn HOSE trong phiên 31/12. Hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh này là vùng 1.755 điểm (MA5). Khả năng tiếp cận và thậm chí vượt khu vực 1.805 điểm sẽ được củng cố nếu áp lực bán tiết chế ở mức thấp trong thời gian điều chỉnh.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
PVS	19/12/2025		Đang mở	34,300	32,300	6.2%	31,100	36,000	32,300	
BID	19/12/2025		Đang mở	38,900	37,500	3.7%	37,300	41,000	38,000	
TCB	19/12/2025		Đang mở	34,900	33,100	5.4%	32,000	36,200	33,500	
MWG	22/12/2025		Đang mở	88,400	82,700	6.9%	79,700	89,000	82,700	
POW	24/12/2025		Đang mở	12,700	12,700	0.0%	12,200	14,100		
MSN	31/12/2025		Đang mở	77,000	76,500	0.7%	74,000	82,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	169,600	4.05%	-0.12%	1,306,943	11.061	1,147	9.0	147.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	124,000	5.53%	0.98%	509,319	5.889	6,133	2.3	20.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	29,700	6.26%	6.64%	148,657	1.946	3,074	2.3	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	94,200	3.52%	-7.65%	168,929	1.242	-60	4.7	-1,579.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	72,400	-3.34%	9.53%	174,698	-1.219	5,014	2.7	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	34,900	1.60%	-0.14%	247,310	0.828	3,111	1.5	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	58,000	-3.33%	-1.19%	109,343	-0.762	6,519	1.7	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	38,900	-1.27%	1.30%	273,131	-0.725	3,781	1.7	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	25,300	1.20%	0.00%	203,791	0.511	3,017	1.6	8.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VJC	209,000	1.75%	5.03%	123,647	0.453	2,897	5.1	72.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	33,650	2.59%	-2.89%	76,464	0.414	2,144	1.7	15.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BVH	56,800	-4.38%	1.43%	42,164	-0.386	3,578	1.7	15.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	245,500	1.87%	17.46%	89,853	0.351	9,095	12.0	27.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	57,500	0.35%	0.88%	480,451	0.351	4,202	2.2	13.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	26,200	-1.50%	0.77%	104,800	-0.329	1,569	1.8	16.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	98,800	9.90%	6.58%	19,760	5.177	9,526	4.3	10.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	93,000	-3.93%	5.68%	21,784	-2.263	5,080	2.4	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	66,500	-1.34%	-2.21%	59,836	-2.115	4,851	5.0	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	21,100	-4.52%	-7.46%	11,972	-1.434	360	1.9	58.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NTP	65,900	3.94%	3.29%	11,271	1.176	5,885	2.8	11.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	20,600	-1.44%	-5.07%	18,529	-0.704	1,518	1.5	13.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,800	-1.25%	-3.07%	16,879	-0.558	488	1.6	32.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,600	-0.73%	-1.45%	26,175	-0.506	-3,592	3.9	-3.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
IDC	36,400	-1.36%	-2.15%	13,814	-0.495	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DNP	21,600	5.37%	10.77%	3,045	0.432	492	1.4	43.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	70,800	1.29%	2.76%	212,738	0.093	3,046	5.6	23.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,900	-0.81%	-3.36%	175,935	-0.049	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,500	2.42%	2.58%	47,238	0.039	4,405	4.6	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	49,400	9.53%	30.00%	10,199	0.033	-134	6.5	-361.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	88,000	10.00%	11.82%	6,514	0.022	5,256	5.3	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TBD	114,200	-14.97%	-17.78%	3,702	-0.019	6,138	5.3	18.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	34,200	1.18%	1.18%	44,771	0.018	5,767	1.4	5.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	46,200	0.87%	-0.22%	55,021	0.016	1,438	4.0	31.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PAP	26,000	7.00%	3.17%	6,032	0.014	-1,736	2.9	-15.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TIN	56,000	7.69%	1.82%	5,100	0.013	7,898	3.2	7.1	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính

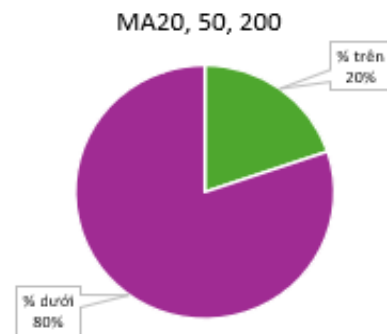
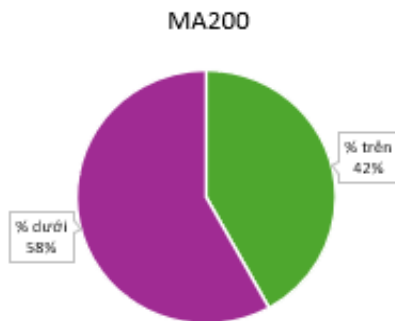
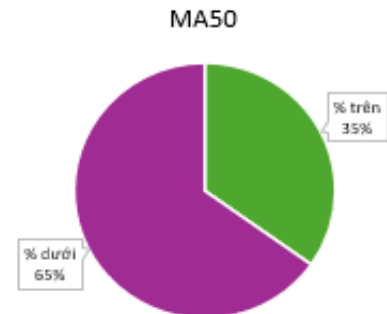
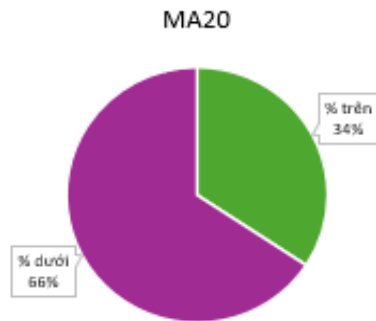
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	29,700	6.3%	1274.1	566.8	14,034	27,950	2.3	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	245,500	1.9%	262.9	183.8	24,074	241,000	12.0	27.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	16,100	1.3%	273.9	69.4	6,700	16,000	1.0	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	37,950	2.2%	31.1	21.1	16,273	37,200	2.5	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	48,900	-0.8%	23.6	51.5	49,000	76,922	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	14,250	-3.1%	8.5	5.2	14,300	21,550	0.7	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DVM	5,600	-6.7%	12.0	1.7	5,455	8,000	0.3	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,500	2.4%	72.9	7.6	48,372	76,000	4.6	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RYG	10,300	0.0%	12.7	3.4	9,900	14,850	0.6	14.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
CSM	13,350	2.7%	8.9	4.0	9,786	17,150	1.0	19.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DHA	67,000	-2.0%	26.7	7.9	33,590	69,200	2.1	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAM	8,000	1.3%	14.5	2.0	6,000	10,500	0.8	46.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			31/12/2025	30/12/2025	29/12/2025	26/12/2025	25/12/2025	24/12/2025	23/12/2025	22/12/2025	19/12/2025	18/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	43%	43%	43%	41%	44%	46%	45%	47%	46%	44%
		Dưới	57%	57%	57%	59%	56%	54%	55%	53%	54%	56%
	MA50	Trên	33%	35%	32%	31%	34%	37%	36%	36%	32%	32%
		Dưới	67%	65%	68%	69%	66%	63%	64%	64%	68%	68%
	MA20	Trên	38%	36%	32%	28%	31%	33%	35%	37%	28%	27%
		Dưới	62%	64%	68%	72%	69%	67%	65%	63%	72%	73%
VN30	MA200	Trên	73%	77%	77%	77%	73%	73%	73%	73%	70%	73%
		Dưới	27%	23%	23%	23%	27%	27%	27%	27%	30%	27%
	MA50	Trên	57%	50%	47%	47%	47%	63%	50%	57%	30%	30%
		Dưới	43%	50%	53%	53%	53%	37%	50%	43%	70%	70%
	MA20	Trên	67%	67%	50%	47%	50%	60%	60%	70%	40%	33%
		Dưới	33%	33%	50%	53%	50%	40%	40%	30%	60%	67%
HNX	MA200	Trên	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%	43%	41%
		Dưới	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%	57%	59%
	MA50	Trên	33%	32%	36%	32%	34%	38%	36%	38%	38%	35%
		Dưới	67%	68%	64%	68%	66%	62%	64%	62%	62%	65%
	MA20	Trên	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%	43%	41%
		Dưới	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%	57%	59%
UPCOM	MA200	Trên	33%	32%	33%	31%	32%	33%	33%	34%	32%	32%
		Dưới	67%	68%	67%	69%	68%	67%	67%	66%	68%	68%
	MA50	Trên	37%	37%	37%	35%	37%	37%	36%	37%	36%	36%
		Dưới	63%	63%	63%	65%	63%	63%	64%	63%	64%	64%
	MA20	Trên	41%	42%	42%	42%	42%	42%	41%	41%	41%	41%
		Dưới	59%	58%	58%	58%	58%	58%	59%	59%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 12																			
		31 ↓	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04
↗ 1	Dầu khí	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47	39	31	42	40	40	50	47	49	49
! 2	Bán lẻ	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45	43	46	63	74	81	84	83	83	85
! 3	Điện, nước & xăng d...	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46	41	36	44	47	49	50	54	53	54
4	Bảo hiểm	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40	37	35	44	49	51	55	54	41	45
5	Công nghệ Thông tin	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55	55	55	58	47	46	44	44	46	45
6	Y tế	55	54	66	58	59	61	62	73	70	68	67	64	63	66	71	70	74	77	78	76
↘ 7	Thực phẩm và đồ uố...	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49	48	46	51	55	56	56	57	53	55
8	Ngân hàng	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35	31	31	37	42	42	45	48	45	49
↘ 9	Du lịch và Giải trí	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48	45	45	50	53	56	57	58	57	56
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37	35	34	43	46	47	48	47	48	50
↘ 11	Hóa chất	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39	37	36	44	49	52	53	56	55	59
↘ 12	Hàng cá nhân & Gia ...	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45	44	42	47	51	53	59	62	62	64
13	Tài nguyên Cơ bản	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41	39	36	43	49	51	52	48	45	48
↘ 14	Xây dựng và Vật liệu	38	36	36	38	41	46	48	46	45	46	45	40	38	50	54	57	57	58	47	49
15	Bất động sản	34	34	32	33	36	38	37	35	30	28	28	26	26	37	46	50	54	56	53	58
16	Ô tô và phụ tùng	33	30	31	31	30	31	30	32	27	28	26	25	22	28	30	31	21	23	22	27
↘ 17	Dịch vụ tài chính	32	34	35	33	32	33	35	32	21	17	18	15	13	16	20	20	19	22	16	24

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	169,600	4.0%	-0.1%	1,306,943	9.0	147.8	1,147	1,574.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	124,000	5.5%	1.0%	509,319	2.3	20.2	6,133	838.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	35,750	0.3%	1.3%	277,668	1.7	8.3	4,292	282.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	29,700	6.3%	6.6%	148,657	2.3	9.7	3,074	1,274.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	88,400	-0.1%	0.5%	129,812	4.1	22.3	3,957	423.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	209,000	1.8%	5.0%	123,647	5.1	72.2	2,897	288.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	245,500	1.9%	17.5%	89,853	12.0	27.0	9,095	262.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	33,650	2.6%	-2.9%	76,464	1.7	15.7	2,144	318.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
PNJ	97,000	0.2%	1.3%	33,091	2.8	14.0	6,912	44.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	149,500	1.2%	2.0%	25,460	8.3	41.3	3,620	47.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SBT	25,100	2.4%	2.9%	21,463	2.0	26.6	943	29.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,300	-0.9%	2.1%	17,542	1.2	12.1	2,841	120.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	47,000	1.7%	4.4%	17,219	1.7	8.9	5,278	8.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVD	28,350	-0.4%	2.5%	15,759	0.9	17.7	1,602	226.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	220,000	0.0%	22.2%	13,597	4.5	7,782.3	28	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
BAF	37,450	0.5%	1.2%	11,386	2.7	21.8	1,715	108.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,900	3.9%	3.3%	11,271	2.8	11.2	5,885	13.3	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	22,550	-0.7%	2.0%	9,274	1.6	16.4	1,377	45.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IMP	52,500	1.5%	4.8%	8,085	3.7	22.3	2,352	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	58,500	-0.8%	3.9%	7,927	2.0	11.8	4,945	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	48,900	-0.8%	-3.4%	175,935	2.6	16.5	2,971	23.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	16,750	-1.8%	-8.0%	13,340	1.7	32.2	521	161.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	12,500	-1.6%	-5.3%	5,400	0.6	1.3	9,417	23.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	37,500	-1.8%	-8.1%	3,780	1.8	12.4	3,037	27.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DVM	5,600	-6.7%	-6.7%	264	0.3	6.3	890	12.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	24,900	-1.6%	-4.8%	77,476	13.9	6.6	3,765	43.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,300	-1.6%	-4.9%	39,676	1.5	13.0	1,635	89.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,000	-0.3%	0.0%	33,041	1.6	12.8	4,776	21.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	22,400	-1.3%	-3.7%	24,191	2.3	16.7	1,341	123.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	18,800	-3.1%	-6.2%	18,759	1.6	89.1	211	217.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	18,300	0.0%	-3.7%	16,692	1.5	22.9	801	90.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	52,000	0.0%	0.6%	15,070	2.3	185.5	280	14.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	30,450	-0.5%	-3.3%	14,771	1.5	13.8	2,202	33.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	22,600	-1.1%	-3.6%	14,610	1.3	3.7	6,148	124.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,400	-1.4%	-2.2%	13,814	2.1	7.5	4,849	32.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	27,300	-1.1%	-4.7%	10,100	1.6	29.1	938	31.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGW	39,000	-1.5%	-2.5%	8,626	2.7	16.2	2,410	35.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PAN	27,300	-1.1%	-3.0%	5,703	1.1	8.8	3,104	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	51,400	0.0%	-1.0%	4,877	3.1	7.2	7,183	6.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	22,700	0.0%	-6.6%	4,534	1.6	7.4	3,057	52.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	68,500	5.06%	5.38%	118,000	72.3%	8,296	1.7	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	30,450	-0.49%	-3.33%	52,100	71.1%	2,202	1.5	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,550	0.32%	-2.20%	25,500	64.0%	178	1.3	87.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,500	0.00%	-4.40%	48,500	54.0%	857	2.0	36.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,850	1.33%	1.58%	64,100	53.2%	3,090	2.1	13.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DXS	9,070	-1.41%	-4.43%	13,600	49.9%	639	0.8	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,350	-3.96%	-0.37%	20,000	49.8%	(1,943)	0.7	-6.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
IDC	36,400	-1.36%	-2.15%	54,000	48.4%	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	37,500	-1.83%	-8.09%	55,200	47.2%	3,037	1.8	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,150	0.69%	-2.02%	42,400	45.5%	1,763	1.7	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	32,700	0.00%	1.87%	46,600	42.5%	3,578	1.7	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DXG	17,100	-2.29%	-5.79%	24,000	40.4%	398	1.5	42.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,000	-0.41%	-1.23%	33,300	38.8%	3,385	1.4	7.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	27,300	-1.09%	-4.71%	37,000	35.5%	938	1.6	29.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,400	-0.38%	-0.56%	35,700	35.2%	1,876	1.6	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SSI	30,250	-1.14%	-3.51%	40,800	34.9%	1,857	2.4	16.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	17,300	-1.14%	-2.54%	23,100	33.5%	1,988	0.9	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,600	1.54%	0.38%	69,800	32.7%	5,474	2.5	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,650	-0.17%	-2.22%	38,000	32.6%	2,603	1.5	11.0	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,900	-0.81%	-3.36%	64,600	32.1%	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn